

Số: 41 /2021/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bạc Liêu tại Tờ trình số 181/TTr-SXD ngày 08 tháng 11 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các cơ quan chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PVP tổng hợp;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra);
- TT Công báo, Công TT điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, MT (QĐQPPL - 05)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tấn Cận

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Kèm theo Quyết định số 41 /2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 2. Phân loại và phân cấp công trình xây dựng

1. Căn cứ tính chất kết cấu và công năng sử dụng, công trình xây dựng được phân loại như sau:

a) Theo tính chất kết cấu, công trình được phân thành các loại gồm: nhà, kết cấu dạng nhà; cầu, đường, hầm, cảng; trụ, tháp, bể chứa, silô, tường chắn, đê, đập, kè; kết cấu dạng đường ống; các kết cấu khác;

b) Theo công năng sử dụng, công trình được phân thành các loại gồm: công trình sử dụng cho mục đích dân dụng; công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp; công trình cung cấp các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật; công trình phục vụ giao thông vận tải; công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh và được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Công năng sử dụng của công trình có thể được tạo ra bởi một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ gồm nhiều hạng mục công trình có mối quan hệ tương hỗ với nhau tạo nên công năng chung. Dự án đầu tư xây dựng có thể có một, một số công trình độc lập hoặc tổ hợp công trình chính hoặc dây chuyền công nghệ chính. Công trình nằm trong

một tổ hợp công trình hoặc một dây chuyền công nghệ là hạng mục công trình trong tổ hợp công trình hoặc dây chuyền công nghệ.

2. Cấp công trình xây dựng được xác định cho từng loại công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Điều 2 Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Chương II

PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU VÀ XỬ LÝ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mục 1

TRÁCH NHIỆM VÀ NỘI DUNG QUẢN LÝ

Điều 3. Trách nhiệm Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ công trình đường quốc lộ qua đô thị, các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nội dung quy định, cụ thể:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

c) Kiểm tra thường xuyên, đột xuất, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý theo phân cấp tại khoản 1 Điều này;

e) Hướng dẫn quy trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành thi công hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

g) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

h) Thực hiện công tác giám định chất lượng xây dựng thuộc thẩm quyền trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu;

i) Tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố công trình trên địa bàn tỉnh đối với công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này;

k) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng đột xuất, định kỳ hàng năm về quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương)

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (*kể cả đường tỉnh có đoạn qua đô thị*) trừ công trình giao thông trong đô thị do Sở Xây dựng quản lý quy định tại Điều 3 Quy định này và các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo Điều 5, khoản 1 Điều 6 Quy định này.

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý quy định tại Điều 3 Quy định này và các công trình UBND tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo Điều 5, khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm của Ban quản lý các khu công nghiệp

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp do mình quản lý theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện một số công việc sau:

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp do mình quản lý thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quản lý;

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, đối với công trình được phân cấp quản lý tại khoản 1 Điều này;

d) Hướng dẫn chủ đầu tư báo cáo sự cố công trình cho Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi nhận được thông tin sự cố và chỉ đạo, hỗ trợ giải quyết sự cố;

đ) Kiểm tra việc thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng của các chủ sở hữu, người được ủy quyền quản lý sử dụng đối với công trình trong phạm vi các khu công nghiệp do mình quản lý;

e) Tổng hợp và báo cáo đột xuất, định kỳ hằng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng việc tuân thủ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh do mình quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện công tác quản lý chất lượng xây dựng theo phân cấp đối với các công trình xây dựng trên địa bàn, trừ các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp, cụ thể như sau:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do mình quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, đối với công trình xây dựng do mình quản lý theo phân cấp tại khoản 1 Điều này;

đ) Tổng hợp, báo cáo đột xuất, định kỳ hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành việc tuân thủ quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Công trình cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công và vốn Nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Công trình cấp III có ảnh hưởng lớn đến an toàn lợi ích cộng đồng được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Công trình cấp IV trên địa giới hành chính cấp huyện đối với công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (*trừ công trình nằm trên 02 địa giới hành chính cấp huyện*).

3. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Nội dung và trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

5. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Điều 7. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

2. Theo dõi, tiếp nhận thông tin phản ánh của Nhân dân về hành vi vi phạm quy định quản lý chất lượng công trình và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng để kiểm tra, xem xét, xử lý kịp thời.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 8. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này thuộc loại công trình chuyên ngành do mình quản lý quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 4 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Công trình được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 3 khoản 1, 2, 3 Điều 4 Quy định này.

b) Công trình cấp II có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (*bao gồm các công trình được đầu tư trong các khu công nghiệp do Ban Quản lý Khu công nghiệp quản lý*).

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính tỉnh; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 huyện trở lên.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp III có ảnh hưởng lớn đến an toàn lợi ích cộng đồng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được đầu tư tại các khu công nghiệp do mình quản lý, trừ các công trình quy định tại điểm a, b, khoản 2 Điều này và các công trình do mình được giao làm chủ đầu tư.

4. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Công trình cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công và vốn Nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Công trình cấp III có ảnh hưởng lớn đến an toàn lợi ích cộng đồng được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP do mình quản lý, cấp phép xây dựng theo phân cấp;

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác

nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện.

5. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình; đồng thời cơ quan chủ trì được mời cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia kiểm tra công trình.

6. Nội dung và trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Điều 16 Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Mục 3

TRÁCH NHIỆM XỬ LÝ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 9. Quy định trong giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Cấp sự cố công trình xây dựng được xác định theo Điều 43 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư báo cáo nhanh sự cố theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên công trình, vị trí xây dựng, quy mô công trình;
- b) Tên các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình;
- c) Mô tả về sự cố, tình trạng công trình xây dựng khi xảy ra sự cố, thời điểm xảy ra sự cố;
- d) Thiệt hại sơ bộ về người và tài sản (nếu có);

3. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công trình và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trong quá trình giải quyết sự cố công trình xây dựng;

4. Lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 47 Nghị định số Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp II trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 4 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp III trên địa bàn huyện. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn huyện. Báo cáo sự cố và giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp III.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã ngay sau khi nhận được thông tin báo cáo tóm tắt về sự cố của chủ đầu tư phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh về sự cố để giải quyết kịp thời theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình xây dựng, thực hiện chức năng giám sát cộng đồng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; bảo vệ hiện trường khi công trình xảy ra sự cố và báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp huyện để được chỉ đạo xử lý trong thời gian sớm nhất.

Điều 11. Thẩm quyền giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II tại các công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 4 Quy định này trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm phối hợp trong tổ chức giám định nguyên nhân sự cố:

a) Đối với các sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh, khi cần thiết cơ quan chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố do mình chủ trì, giải quyết;

b) Cơ quan chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng có trách nhiệm thành lập Tổ điều tra sự cố để điều tra nguyên nhân sự cố công trình xây dựng. Tổ điều tra sự cố gồm: đại diện các đơn vị của cơ quan chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 10 Quy định này, các cơ quan có liên quan và các chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến sự cố. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố chỉ định tổ chức kiểm định thực hiện giám định chất lượng công trình xây dựng phục vụ đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và đưa ra giải pháp khắc phục.

Mục 4**QUY ĐỊNH VỀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG****Điều 12. Trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng**

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng.
2. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình xây dựng.
3. Thực hiện bảo trì và quản lý chất lượng công việc bảo trì.
4. Đánh giá an toàn công trình.
5. Lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình.

Điều 13. Phân cấp quản lý bảo trì công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Tổ chức lập, điều chỉnh, phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng trong quá trình lập hồ sơ thiết kế, thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Bàn giao quy trình bảo trì công trình xây dựng đã được phê duyệt, các tài liệu phục vụ công tác bảo trì có liên quan cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng khi nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình:

a) Xem xét, tiếp nhận quy trình bảo trì công trình xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình bàn giao khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng đối với những công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì do mình quản lý, khai thác sử dụng;

b) Trên cơ sở quy trình bảo trì công trình xây dựng được duyệt và hiện trạng công trình, tổ chức lập kế hoạch và thực hiện bảo trì công trình xây dựng hằng năm theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng bao gồm: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình; kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Tổ chức quản lý chất lượng công tác bảo trì và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 34, Điều 35, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với công trình, hạng mục công trình xây dựng chuyên ngành có quy mô cấp II trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình, hạng mục công trình xây dựng cấp III, cấp IV.

3. Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định theo quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Các nội dung khác về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Thông tư số 10/2021/TT-BXD và Thông tư số 14/2021/TT-BXD.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.